

XUNG ĐỘT DÂN TỘC DƯỚI GÓC ĐỘ TÂM LÝ

Lê Thị Minh Loan

Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn.

Nhà xã hội học Mỹ gốc Nga P. Xarôkin thống kê rằng, trong lịch sử hai tư thế kỷ qua của nhân loại, cứ bốn năm lại có một cuộc chiến tranh, cách mạng, hay xung đột dân tộc lớn⁽¹⁾. Trong quan hệ giữa các nhóm dân tộc, bên cạnh sự hợp tác, luôn luôn có sự xung đột.

Trong khoa học xã hội, có nhiều quan điểm khác nhau về xung đột dân tộc. Các nhà xã hội học, chính trị học và dân tộc học thường hay xem xét xung đột dân tộc như cuộc đấu tranh thực sự giữa các dân tộc trên cơ sở mâu thuẫn lợi ích hay sự khác biệt sắc tộc, tôn giáo, tín ngưỡng... Đó là sự đụng độ của những hành vi trái ngược nhau, là bất kỳ dạng đối đầu nào khi các bên hoặc một trong các bên tham gia huy động lực lượng của mình để thực hiện những hành động cố ý gây hại cho dân tộc khác. Xung đột là giai đoạn khi mâu thuẫn phát triển đến mức độ căng thẳng nhất, được bùng phát thành những hành động xung đột và có thời điểm bắt đầu dễ xác định⁽²⁾.

Đối với các nhà tâm lý học, xung đột không chỉ bắt đầu từ khi xuất hiện các hành vi xung đột và không chấm dứt khi kết thúc các hành vi này. Hành vi xung đột chỉ là một trong những biểu hiện và là một giai đoạn của mâu thuẫn. Cho đến tận giữa những năm 90 của thế kỷ XX, nghĩa là sau 50 năm kể từ ngày kết thúc chiến tranh thế giới lần thứ II, 24% số người Nga trên 60 tuổi được hỏi vẫn coi người Đức là kẻ thù xưa của dân tộc Nga⁽³⁾. Do vậy, ngay cả khi sự đối đầu trực tiếp kết thúc, dưới góc độ tâm lý học, xung đột dân tộc vẫn tiếp diễn và có thể được thể hiện dưới dạng cạnh tranh xã hội, định kiến dân tộc hay duy trì hình ảnh kẻ thù. Tuy nhiên, ngay trong bản thân tâm lý học cũng có rất nhiều cách nhìn nhận, tiếp cận, phân tích xung đột dân tộc khác nhau.

Một số nhà tâm lý học cho rằng, xung đột dân tộc gắn với nhận thức và cảm xúc. Mâu thuẫn giữa các nhóm dân tộc đóng vai trò quyết định dẫn tới hành vi xung đột, nhưng giữa chúng và hành vi xung đột không quan hệ một cách trực tiếp. Hành vi xung đột xuất hiện khi mâu thuẫn giữa các nhóm được nhận thức. Nhưng không phải tất cả mọi mâu thuẫn, hữu hình hoặc vô hình, được nhận thức đều phát triển thành hành vi xung đột mà chỉ khi các bên mổ xé những mâu thuẫn này trên nền các trạng thái cảm xúc.

Nhiều khi xung đột dân tộc xuất hiện do những khác nhau về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, tôn giáo và những đặc điểm tâm tính. Cội nguồn của nhiều xung đột dân tộc là do những bất đồng về sử dụng ngôn ngữ hay chính sách về ngôn ngữ.

Một số nhà tâm lý học khác lại coi nguyên nhân của xung đột giữa các nhóm dân tộc là do những đặc điểm tâm lý tổng hợp, đặc điểm xâm kích của loài người kết hợp với sự thất vọng. Xâm kích, theo quan điểm của U. Mac. Daugon, không phải là phản ứng với sự tức giận, mà là xung động bản năng nào đó ở trong cơ thể của con người. Còn S. Freud cho rằng, sự thù địch giữa các nhóm là tất yếu và luôn tồn tại, bởi nó làm nhóm ổn định, giải quyết được những xung đột bên trong nhóm, hình thành nên tình cảm chung ở các thành viên nhóm, nhưng cũng chính sự thù địch đã dẫn tới xung đột và bạo lực trong quan hệ giữa các nhóm⁽⁴⁾.

Nhà dân tộc học người Ôxtrâylia K. Lorens lại cho rằng, hành vi bạo lực của con người trong chiến tranh, trong các cuộc xung đột, trong quá trình phạm tội... là hậu quả của tính xâm kích bẩm sinh của con người như một thực thể sinh học. Nếu như ở thú vật, tính xâm kích nhằm bảo tồn chủng loại, thì đối với con người, tính xâm kích đồng loại - những người thuộc dân tộc khác - nhằm bảo tồn nhóm.

Học thuyết về xâm kích của N. Muiler và D. Dollar coi sự thất vọng có tính quyết định đối với xâm kích. Những kích động xâm kích tổng hợp sẽ chuyển thành hành vi xâm kích chỉ khi con người bị thất vọng, nghĩa là khi có một điều kiện nào đó ngăn cản cá nhân đạt đến mục đích mong muốn.

Nhà nghiên cứu L. Berkovic cho rằng, khách thể của xâm kích không chỉ là các cá nhân riêng lẻ, mà còn là một nhóm cá thể có những dấu hiệu giống nhau. L. Berkovic sử dụng cách nhìn nhận này để giải thích nguyên nhân những làn sóng bất bình và xung đột có liên quan tới định kiến chủng tộc, dân tộc. Trong các cuộc xung đột này, tính chủng tộc và tính dân tộc là những dấu hiệu đầu tiên để so sánh sự khác nhau. Khi so sánh giữa nhóm mình với nhóm khác sẽ xuất hiện sự thiếu thốn một cách tương đối và điều này gây ra cảm giác bị né tránh, bị xâm hại quyền lợi - những nguồn gốc của thất vọng và của xâm kích tiềm năng⁽⁵⁾.

Cách nhìn nhận trên cũng gần giống với quan điểm cho rằng, khác biệt cá nhân là nền tảng của xung đột giữa các nhóm. Đó là quan điểm về nhân cách độc đoán. T. Adorno và các đồng nghiệp đã phân tích những cá nhân có tư tưởng bài trừ người Do Thái - những tên phát xít tiềm tàng - và nhận thấy những cá nhân này có xu hướng chung là không thích các nhóm khác và chỉ ưa thích nhóm mình. Mặc dù T. Adorno không cho rằng, một dân tộc nào đó có nhiều nhân cách độc đoán hơn dân tộc khác, nhưng theo ông, những cuộc khủng hoảng kinh tế và xã hội, đảo chính chính trị có thể làm cho nhân cách độc đoán trở nên phổ biến trong một khoảng thời gian nào đó. Ở nước Đức, nhân cách độc đoán đã trở nên phổ biến hơn sau khi bị thất bại trong cuộc chiến tranh thế giới lần thứ I và sau khi ký kết hiệp định hoà bình ở Vécxây. Việc xuất hiện nhiều nhân cách độc đoán là nguyên nhân dẫn tới xung đột ở đây.

Nhân cách độc đoán có những nét tính cách như sùng bái những chuẩn mực

xã hội truyền thống (chủ nghĩa công ước), tuân thủ tuyệt đối chính quyền và quyền uy, xâm kích độc đoán (tìm những người không tuân thủ chuẩn mực công ước để kết tội, ruồng bỏ và xử phạt họ), định khuôn trong tư duy và mê tín dị đoan, tư duy cứng nhắc và sùng bái bạo lực (trong tư duy hình thành cách phân loại cứng nhắc kiểu như: mạnh - yếu, cai trị - bị trị, tướng - quân... và ủng hộ những phương pháp lãnh đạo cứng rắn), thái độ vô liêm sỉ (thái độ thù địch, độc ác đối với toàn nhân loại)...

Tuy nhiên, quan điểm nhân cách độc đoán không phải là quan điểm tâm lý xã hội với đúng nghĩa của nó, bởi vì trong xung đột giữa các nhóm dân tộc không chỉ có sự tham gia của những cá nhân riêng lẻ, mà là của toàn thể cộng đồng dân tộc. Điều này làm cho nhiều người ủng hộ quan điểm mâu thuẫn thực tế của xung đột. Xung đột dân tộc là sản phẩm của những lợi ích đối lập nhau, khi chỉ một trong các nhóm trở thành nhóm chiến thắng và xâm hại đến lợi ích của nhóm còn lại.

Nhà nghiên cứu Serif đưa ra giả thuyết rằng, sự phụ thuộc lẫn nhau về chức năng của hai nhóm ở dạng cạnh tranh sẽ là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới sự thù địch, được thể hiện ở các định khuôn tiêu cực, ở định kiến và cả ở việc phát triển tính cố kết nhóm. Tất cả những điều này đều dẫn tới hành vi thù địch. Serif đã tiến hành một số thực nghiệm ở các trại hè thiếu nhi. Cuộc đua giữa hai nhóm con trai đã đi đến hiệu ứng tâm lý xã hội giống như xung đột giữa các nhóm. Xung đột lợi ích - cuộc chiến giành phần thưởng - rất nhanh chóng chuyển thành thù địch xâm kích. Serif nhìn thấy nguồn gốc thù địch dân tộc không phải ở những đặc trưng của cá nhân - tất cả mọi người có đặc điểm xâm kích hay là một số người có tính cách độc đoán, - mà ở tính chất của mối tương quan giữa các nhóm.

Những người theo học thuyết đồng nhất xã hội lại cho rằng, việc ý thức thuộc nhóm, nghĩa là sự đồng nhất xã hội và các quá trình liên quan tới nó là nhận thức và xúc cảm, là nguyên nhân của xung đột, chứ không phải là lợi ích đối lập⁽⁶⁾. Nhà nghiên cứu H. Tajfel đã tiến hành một loạt các thực nghiệm và chứng minh rằng, những nghiệm thể sẵn sàng bảo vệ sự đồng nhất xã hội của nhóm mình, mặc dù phải trả giá bằng sự mất mát về vật chất. Việc phân loại nhóm là nguyên nhân của nhiều xung đột vì bản thân việc phân loại “chúng ta” và “họ” đủ để tạo sự phân biệt đối xử giữa các nhóm, và quan hệ thù địch với nhóm khác là không thể tránh khỏi. Chiến thuật để tránh xung đột là thay đổi tri giác về khoảng cách các nhóm, dịch chuyển sự phân biệt “chúng ta” và “họ” thành “chúng ta”, biến đổi quan hệ giữa các nhóm thành quan hệ trong nhóm thông qua việc đồng nhất chung ở cấp độ lớn hơn, cứ như vậy cho tới cấp độ đồng nhất toàn nhân loại.

Mục đích của việc phi phân loại hoá như vậy là tạo ra một xã hội không có khác biệt văn hoá, chủng tộc, là một xã hội thuần nhất. Tuy nhiên, việc phi phân loại hoá như vậy khó có thể thực hiện được, bởi lẽ, sự đồng nhất giữa các dân tộc và giữa các nền văn hoá là không thể và không nên vì nó làm mất đi sự khác biệt văn hoá, mất đi sự đa dạng và phong phú của xã hội loài người.

Trong thực tiễn, các nhà khoa học đã áp dụng phương pháp “đan chéo” cách

phân loại để tránh xung đột nhóm, nghĩa là thành viên của nhóm này sẽ trở thành thành viên của nhóm khác khi thay đổi cách phân loại⁽⁷⁾. Các nhà tâm lý học Pháp đã áp dụng phương pháp này sau khi kết thúc chiến tranh thế giới lần thứ II bằng cách thành lập các câu lạc bộ Pháp - Đức dành cho học sinh và vận động viên thể thao hai nước. Tuy nhiên, mô hình tâm lý này thông thường chỉ có kết quả ở các giai đoạn khi xung đột chỉ tồn tại trong biểu tượng của các bên, nghĩa là trước và sau khi kết thúc các hành động xung đột trực tiếp.

Một số nhà tâm lý học theo thuyết tiếp xúc thì cho rằng, xung đột có nguyên nhân từ các định khuôn và định kiến dân tộc, do vậy việc giao tiếp trực tiếp trong những điều kiện nhất định làm giảm thiểu hoặc tránh nguy cơ xung đột dân tộc. Theo G. Allport, định kiến sẽ mất đi nếu như các nhóm có vị thế như nhau, có mục đích chung đòi hỏi sự hợp tác và phải tuân thủ điều lệ như nhau⁽⁸⁾. Còn theo quan điểm của M. Hewstone, có ba khía cạnh thúc đẩy việc tiếp xúc đem lại hiệu quả tích cực. Thứ nhất, việc tiếp xúc làm cho các cá nhân của các nhóm hiểu nhau như những cá nhân riêng lẻ, chứ không phải là thành viên của nhóm. Thứ hai, việc sử dụng các thông tin không theo định khuôn ban đầu tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyên truyền những thái độ tích cực. Thứ ba, việc tăng cường tiếp xúc giữa các cá nhân với ý thức rằng “chúng ta” và “họ” có nhiều đặc điểm và giá trị giống nhau sẽ dẫn tới thay đổi trong tri giác về ý nghĩa của phân loại xã hội đối với các cá nhân và dẫn tới việc đánh giá cá nhân theo bản thân họ, chứ không phụ thuộc vào họ thuộc nhóm nào⁽⁹⁾.

Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu lại hoài nghi về việc gặp gỡ, làm quen với đại diện của nhóm khác sẽ nhất định dẫn tới việc gán cho họ những phẩm chất tích cực hơn, thậm chí cả khi tạo ra các điều kiện thuận lợi cho việc tiếp xúc. Các cuộc tiếp xúc chỉ là khả năng chứ không phải là phương tiện đảm bảo vượt qua những định kiến dân tộc.

Cách nhìn nhận, tiếp cận và phân tích xung đột dân tộc dưới góc độ tâm lý học cũng phong phú và đa dạng như bản thân các cuộc xung đột. Có thể khẳng định, không có cách tiếp cận tâm lý học nào phân tích xung đột dân tộc được coi là lý tưởng, hoặc chung nhất, bởi vì chỉ một cơ chế tâm lý không có khả năng giải quyết các vấn đề xã hội. Nhưng dù không làm thay đổi xã hội, các hướng tiếp cận tâm lý có khả năng làm chuyển hướng xâm kích của con người, tạo nên các mối quan hệ tự nhiên hơn giữa con người với mọi người xung quanh mục đích chung, làm giảm bớt sự thù hận trong tri giác giữa các cá nhân. Để đạt được mục đích này, cần phải sử dụng tất cả mô hình đã xem xét, không phụ thuộc vào đó là quan điểm lý thuyết nào.

Trong cuộc sống thực tiễn, hiếm thấy tình huống xung đột dân tộc mang tính xã hội “thuần túy” và không bị ảnh hưởng của các quá trình tâm lý liên quan tới cá nhân và các thành viên nhóm. Do vậy, khi xem xét xung đột dân tộc cần xem xét nguyên nhân xã hội và nguyên nhân tâm lý như các nguyên nhân phụ thuộc lẫn nhau. Và cần hiểu rằng, để giải quyết triệt để xung đột dân tộc, phải phối hợp nhiều ngành khoa học khác nhau, chính trị học, dân tộc học, xã hội học, tâm lý học.

Chú thích

1. P.A. Xarôkin. *Những nét tính cách cơ bản của dân tộc Nga trong thế kỷ XX*. Trong cuốn "Nước Nga và triết lý văn hóa Nga". Mátxcova, 1990 (Bản tiếng Nga).
2. V.A. Chiskov. *Tóm lược các lý thuyết và chính sách dân tộc ở Nga*. Mátxcova, 1997, tr. 476 (Bản tiếng Nga).
3. A.G. Zdravolmuxlov. *Xung đột dân tộc trong các nước thuộc Liên Xô cũ*. Mátxcova, 1996 (Bản tiếng Nga).
4. T.G. Stephanenco. *Giáo trình tâm lý học dân tộc*. Mátxcova, 2003, tr.304 (Bản tiếng Nga).
5. Trong quan hệ giữa các dân tộc thì sự thiếu thôn tương đối là việc tri giác vị thế của nhóm mình tồi tệ so với vị thế của nhóm khác.
6. H. Tajfel, C. Flament. *Social categorization and intergroup behaviour*. In "European Journal of Social Psychology, 1971. Vol. 1. p. 149.
7. M. Hewstone. *Contact and categorization: social psychological interventions to change intergroup relations*. In "Stereotypes and stereotyping". N.Y, 1996. p. 323.
8. G.W. Allport. *The nature of prejudice*. Reading (Mass.), 1954.
9. M. Hewstone. *Contact and categorization: social psychological interventions to change intergroup relations*. In "Stereotypes and stereotyping". N.Y, 1996. p. 323 - 360.